

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **176/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-9-2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hồng Hải;

2. Ông Cao Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 80/TB-TA ngày 26 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Việt H, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Q; chỗ ở hiện nay: số 1122 đường Qu, phường A, quận S, thành phố Đ. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: anh Lê Văn N, sinh năm 1985; địa chỉ: số 01 Chu Văn A, thị trấn T, huyện T, tỉnh N. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Bị đơn: anh Lê Hà Ph, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn M, xã P, huyện S, tỉnh N. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - anh N và nguyên đơn - chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Việt H và anh Lê Hà Ph tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 12/3/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị H không còn tình cảm với anh Ph nên chị xin ly hôn với anh Ph.

Về con chung: có 01 con chung tên là Lê Xuân Nhi Q, sinh ngày 26/7/2019. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 19/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Phương trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Anh thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mỗi người mỗi tính nhưng anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho đoàn tụ.

Về con chung: có 01 con chung tên là Lê Xuân Nhi Q, sinh ngày 26/7/2019. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: có 01 căn hộ chung cư số 7C03 chung cư A; địa chỉ: số 1122 N, phường A, quận T, thành phố Đ trị giá 1.650.000.000 đồng, anh chưa yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: nợ ngân hàng Agribank chi nhánh A, huyện S, tỉnh N số tiền 200.000.000 đồng, anh chưa yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Lê Hà Ph có nơi cư trú tại thôn M, xã P, huyện S, tỉnh N. Chị Nguyễn Thị Việt H khởi kiện xin ly hôn anh Ph nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh Ph tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 12/3/2019 nên là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng mỗi người một tính, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được,

cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ph xin đoàn tụ, nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh Ph đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: chị H và anh Ph có 01 con chung tên Lê Xuân Nhi Q, sinh ngày 26/7/2019. Các đương sự đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con khi ly hôn. Xét thấy, cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con. Tuy nhiên, cháu Q là con gái và mới 38 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ hơn để cháu phát triển toàn diện về sức khỏe và tâm lý. Quá trình giải quyết vụ án, chị H cung cấp Hợp đồng thuê việc với Công ty Cổ phần Đầu tư K và Quyết định số 2048/2022/QĐ-KSF ngày 12/5/2022 về việc tiếp nhận thuê việc, thể hiện mức lương cơ bản hằng tháng của chị H khoảng 9.600.000 đồng là đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi con. Hơn nữa, anh Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi con nhưng anh vắng mặt tại các phiên tòa thể hiện sự không quan tâm đến gia đình, con cái. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị H yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 3.000.000 đồng. Xét thấy trách nhiệm nuôi con là nghĩa vụ chung của cha mẹ đối với con cái, tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Anh Ph còn trẻ, có đủ sức khỏe lao động tạo ra thu nhập để cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H là phù hợp nhưng mức cấp dưỡng mà chị H yêu cầu là cao so với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, buộc anh Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng để chị H nuôi cháu Q mỗi tháng 1.500.000 đồng, phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2022 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.4] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội

đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: trong quá trình giải quyết vụ án chị H trình bày vợ chồng không có nợ chung, anh Ph trình bày có nợ ngân hàng Agribank chi nhánh A, huyện S, tỉnh N số tiền 200.000.000 đồng. Qua biên bản xác minh ngày 09/8/2022 tại Ngân hàng Agribank chi nhánh A, huyện S thì anh Lê Hà Ph có vay số tiền 200.000.000 đồng nhưng hồ sơ vay không thể hiện thông tin của chị H và bên vay không vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng, do đó ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập, xử lý.

[3]. Về án phí: chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Phương phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Việt H về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Việt H và anh Lê Hà Ph.

2. Về con chung: giao cháu Lê Xuân Nhi Q, sinh ngày 26/7/2019 cho chị Nguyễn Thị Việt H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh Lê Hà Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 1.500.000 (*một triệu năm trăm nghìn*) đồng, phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2022 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Nguyễn Thị Việt H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004729 ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh Lê Hà Ph phải chịu.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Phú, huyện Quế Sơn;
(GCNKH số 20 ngày 12/3/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Sen